

Số: 1826/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch tổ chức xác định giá đất cụ thể năm 2018
trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 618/TTr-STNMT ngày 20/7/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tổ chức thực hiện xác định giá đất cụ thể năm 2018 trên địa bàn tỉnh Sơn La với những nội dung sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích: Xác định giá đất cụ thể sử dụng làm căn cứ đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 172 và khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai năm 2013; giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê.

2. Yêu cầu: Việc định giá đất phải đảm bảo thực hiện đúng các nguyên tắc, phương pháp định giá đất quy định tại Điều 112 Luật Đất đai; các khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

II. Nội dung

1. Danh mục các dự án dự kiến cần định giá đất cụ thể năm 2018

Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất; thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến cần định giá đất cụ thể trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh, như sau:

- Tổng số dự án dự kiến cần định giá đất cụ thể trong năm 2018 là 506 dự án, với tổng diện tích các loại đất 4.033,00 ha. Trong đó:

+ Dự án cần định giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất: 90 dự án; với tổng diện tích các loại đất: 870,74 ha;

+ Dự án cần định giá đất để thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng: 416 dự án; với tổng diện tích các loại đất: 3.162,27 ha.

- Tổng dự án đã xác định giá đất cụ thể 86, dự án chưa xác định giá đất cụ thể là 420 dự án.

(chi tiết có biểu số 01 kèm theo).

2. Số lượng các tổ chức có chức năng tư vấn giá đất dự kiến lựa chọn thực hiện Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2018

(chi tiết có biểu số 02 kèm theo)

3. Thời gian thực hiện định giá đất: Theo tiến độ thực hiện của từng công trình, dự án trên địa bàn các huyện, thành phố trong năm 2018.

4. Tổ chức thực hiện xác định giá đất cụ thể

- Theo Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

- Theo Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thành phố xây dựng, thẩm định, phê duyệt giá đất cụ thể tính tiền bồi thường đất khi Nhà nước thu hồi đất, tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất và giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất; giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đối với hộ gia đình, cá nhân.

5. Kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể: Được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra UBND các huyện, thành phố trong tổ chức thực hiện Quyết định này, tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Giao UBND các huyện, thành phố: Có trách nhiệm tổ chức thực hiện định giá đất các dự án theo Quyết định này và các quy định của pháp luật hiện hành. Báo cáo kết quả thực hiện định giá đất theo ủy quyền tại Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của UBND tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài chính định kỳ hàng quý (ngày 05 của tháng đầu quý).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ./

Nơi nhận:

- TT tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT- Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hải



Biểu 01
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2018
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 1826/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
-----	--	---	---------------------------------	-----------------------	---	------------------------	-------------------	---------------------

A. HUYỆN MỘC CHÂU

I	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án							
1	Khu đất Đài Truyền thanh - Truyền hình (cũ), TT Mộc Châu, huyện Mộc Châu	TT Mộc Châu	0,02818	ODT	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 của UBND tỉnh	2018	x	
2	Khu đất nhà văn hoá tiểu khu 3 (cũ), tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu	TT Mộc Châu	0,01688	ODT	nt	2018	x	
3	Khu đất TTHC mới, tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	TT Mộc Châu	0,83957	ODT	nt	2018	x	
4	Khu đất thu hồi của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	TT Nông Trường			nt	2018		x
5	Khu đất Trụ sở HĐND-UBND thị trấn Nông trường Mộc Châu	TT Nông Trường	0,090896	ODT	nt	2018	x	
6	Khu đất ao Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên	TT Nông Trường			nt	2018		x
7	Khu đất Phòng Giáo dục - Đào tạo, tiểu khu 6, thị trấn Mộc Châu	TT Mộc Châu	0,05466	ODT	nt	2018	x	
8	Khu đất thu hồi của Công ty cổ phần Than khoáng sản Sơn La	TT Nông Trường		CLN; NTS	nt	2018	x	
9	Khu đất Hội thộ (cũ), bản tự nhiên, xã đông sang	xã Đông Sang	0,56047	ONT	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 của UBND tỉnh	2018	x	
10	Khu đất HTX Hợp nhất (cũ)	TT Mộc Châu			nt	2018		x
11	Khu đất 01 bên tuyến đường trường THPT Thảo Nguyên	TT Nông Trường	0,785636	ODT	nt	2018		x
12	Khu đất ở Khu TTHC cũ, thị trấn Mộc Châu, tiểu khu 12, 13, thị trấn Mộc Châu (Khu trên đường 21m);	TT Mộc Châu		ODT	nt	2018	x	
13	Khu đất Quy hoạch chi tiết hồ sinh thái tiểu khu 2	TT Mộc Châu		ODT	nt	2018		x
14	Khu đất Trường Tiểu học Bế Văn Đàn (cũ), tiểu khu 1, thị trấn Mộc Châu	TT Mộc Châu	0,15215	ODT	nt	2018	x	
15	Khu đất thu hồi của Công ty Đường bộ 224 tại bản Pá Phang2, xã Chiềng Hắc	xã Chiềng Hắc	0,05175	ONT	nt	2018	x	
16	Khu đất 02 bên tuyến đường từ QL6 - QL43 phía sau Khách sạn Mường Thanh, TTNT Mộc Châu	TT Nông Trường			nt	2018		x
17	Khu đất ở thuộc quy hoạch chi tiết khu dân cư tiểu khu 19/8, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, tiểu khu 19/8, TTNT Mộc Châu;	TT Nông Trường	0,2409	ODT	nt	2018		x
18	Khu đất Bến xe tỉnh thị trấn Mộc Châu (Bổ sung)	TT Mộc Châu	0,1158	ODT	nt	2018		x

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHSD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
19	Khu ở thuộc khu quy hoạch dân cư bản Nà Bó, xã Mường Sang;	xã Mường Sang	1,094698	ONT	nt	2018		x
20	Khu ở thuộc khu dân cư tiểu khu 10, thị trấn Mộc Châu.	TT Mộc Châu	0,36	ODT	nt	2018		x

B. HUYỆN SÓP CỘP

I	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất							
21	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Huổi Men xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	1,97	HNK;CSD	Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 05/03/2018 của UBND tỉnh Sơn La	2018	x	
22	Đấu giá phía bên trái đường xuống khu tái định cư Nà Phe(E1), đối diện trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện, cạnh chi cục Thống kê	Xã Sốp Cộp	0,45	CLN	nt	2018	x	
23	Đấu giá đất ở khu vực từ hết đất nhà ông Thịnh Dụ đến đường vượt lên D62-D1 (phía bên trái đường khu tái định cư Nà Phe lên Trường PTDTNT). Lô E1	Xã Sốp Cộp	0,12	CLN	nt	2018	x	
24	Đấu giá đất ở đối diện trường PTDT Nội trú huyện.	Xã Sốp Cộp	0,35	CLN	nt	2018	x	
25	Đấu giá đất ở phía đông bắc sân vận động đối diện chợ mới	Xã Sốp Cộp	0,23	CLN	nt	2018		x
II	Dự án thu hồi đất GPMB							
26	Thao trường huyện Sốp Cộp	Xã Dôm Cang	23,10	HNK	Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 05/03/2018 của UBND tỉnh	2018		x
27	Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Sốp Cộp (chuyển tiếp thực hiện)	Xã Sốp Cộp	0,12	CLN	nt	2018	x	
28	Đất thương mại - dịch vụ lô 25 đầu cầu Nậm Lạnh	Xã Sốp Cộp	0,63	HNK	nt	2018		x
29	Đất thương mại - dịch vụ cầu qua suối Nậm Ban	Xã Sốp Cộp	0,22	HNK	nt	2018		x
30	Đất thương mại - dịch vụ gần Ban Chỉ Huy Quân sự, xã Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp	0,35	HNK	nt	2018	x	
31	Bổ sung Cải tạo nâng cấp đường tỉnh 105(đoạn púng bánh mường lèo)	Xã Púng Bánh	19,50	HNK;RPH;	nt	2018		x
32	Đường Mường Lạn - Nà Va - Nà Khi, xã Mường Lạn (NQ 125)	Xã Mường Lạn	10,74	LUA:HNK:	nt	2018	x	
33	Hệ thống điện Huổi Phô	Xã Sam Kha	1,00	RPH	nt	2018		x
34	Hệ thống điện Huổi My	Xã Sam Kha	0,15	RPH	nt	2018		x
35	Hệ thống điện Nậm Lạn	Xã Mường Lạn	0,50	RPH	nt	2018		x
36	Hệ thống điện Co Muông	Xã Mường Lạn	0,50	RPH	nt	2018		x
37	Hệ thống điện Nong Phụ	Xã Mường Lạn	0,50	RPH	nt	2018		x
38	Hệ thống điện Co Hạ	Xã Mường Lạn	0,50	RPH	nt	2018		x
39	Hệ thống điện Pá Kach Trên	Xã Mường Lạn	0,50	RPH	nt	2018		x
40	Hệ thống điện Huổi Men	Xã Mường Lạn	0,50	RPH	nt	2018		x
41	Hệ thống điện Mường Lạn	Xã Mường Lạn	0,50	RPH	nt	2018		x
42	Hệ thống điện Phá Thổng nông thôn	Xã Sam Kha	0,12	RPH	nt	2018		x

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHSD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
43	XD chốt dân quân thường trực xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	0,10	HNK	nt	2018		x
44	XD chốt dân quân thường trực xã Mường Và	Xã Mường Và	0,10	CLN	nt	2018		x
45	XD chốt dân quân thường trực xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo	0,10	HNK	nt	2018		x
46	XD chốt dân quân thường trực xã Nậm Lạnh	Xã Nậm Lạnh	0,10	HNK	nt	2018		x
47	Trụ sở làm việc công an xã Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp	0,02	CLN	nt	2018		x
48	Trụ sở làm việc công an xã Nậm Lạnh	Xã Nậm Lạnh	0,02	CLN	nt	2018		x
49	Trụ sở làm việc công an xã Dømm Càng	Xã Dømm Càng	0,02	CLN	nt	2018		x
50	Trụ sở làm việc công an xã Sam Kha	Xã Sam Kha	0,02	CLN	nt	2018		x
51	Trụ sở làm việc công an xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo	0,02	CLN	nt	2018		x
52	Trụ sở làm việc công an xã Mường Và	Xã Mường Và	0,02	CLN	nt	2018		x
53	Trụ sở làm việc công an xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	0,02	CLN	nt	2018		x
54	Trung tâm y tế huyện (NQ 138)	Xã Sốp Cộp	0,20	CLN	nt	2018		x
55	Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Nà Khi xã Mường Lạn (bản Pá Cạch trên)	Xã Mường Lạn	0,08	CLN	nt	2018		x
56	Bãi đỗ xe tỉnh khu trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp	0,48	HNK;NTS	nt	2018	x	
57	Đường trung tâm huyện lỵ - cửa khẩu Lạnh Bính (đoạn km 8 - km 29) (NQ 112)	Xã Nậm Lạnh	34,46	LUA:HNK:	nt	2018	x	
58	Nâng cấp Đường Mường Và-Nậm Lạnh (4km)	Xã Nậm Lạnh	0,56	HNK:CLN:	nt	2018		x
59	Nâng cấp Đường Nậm Lạnh-Dømm Càng (4km)	Xã Dømm Càng	0,20	HNK:CLN:	nt	2018		x
60	Đường giao thông ngã ba Pu Sút đi Phá Thóong xã Sam Kha (Hạng mục 02 cầu trần)	Xã Sam Kha	0,20	HNK;CLN;	nt	2018		x
61	Đường giao thông trung tâm hành chính huyện (ấp phan) + mở mới một số tuyến	Xã Sốp Cộp	1,23	HNK;CLN	nt	2018		x
62	Nước sinh hoạt bản Hua Lạnh xã Nậm Lạnh	Xã Nậm Lạnh	0,05	CLN	nt	2018		x
63	Kênh thủy lợi Nà Heo bản Phiêng Pen xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	0,07	HNK	nt	2018		x
64	Kênh bản Dømm đến trụ sở UBND xã Dømm Càng	Xã Dømm Càng	0,15	LUA	nt	2018		x
65	Thủy lợi phai Púng bản Púng xã Púng Bính	Xã Púng Bính	0,15	HNK;CSD	nt	2018		x
66	Thủy lợi cụm Nà Phát xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	0,16	HNK;CSD	nt	2018		x
67	Thủy lợi Nà Pú Luông bản Huổi Dương xã Mường Và	Xã Mường Và	0,10	HNK;CSD	nt	2018		x
68	Nước sinh hoạt bản Sam Quảng xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo	0,09	HNK;CLN	nt	2018		x
69	Thủy lợi Huổi Mòn bản Nà Mòn xã Mường Và	Xã Mường Và	0,06	LUA	nt	2018		x
70	Thủy lợi Huổi Si Gian bản Phiêng Ben xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	0,12	HNK;CSD	nt	2018		x
71	Kênh mương Nội bản Càng xã Dømm Càng	Xã Dømm Càng	0,16	HNK;CSD	nt	2018		x
72	Hệ thống nước sinh hoạt cụm trung tâm xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	0,06	HNK	nt	2018		x

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHSD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
73	Đường điện bản Huổi Phức - Sam Quảng Mường Lèo (NQ 125)	Xã Mường Lèo	0,48	HNK;CLN;	nt	2018		x
74	Hệ thống điện trung tâm hành chính huyện giai đoạn II	Xã Sốp Cộp	0,08	CLN	nt	2018		x
75	Đường điện Co Hinh - Pá Hốc xã Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp	0,12	HNK;CLN;	nt	2018		x
76	Nhà công vụ UBND xã Sam Kha	Xã Sam Kha	0,05	HNK	nt	2018		x
77	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Sốp Cộp (NQ 138)	Xã Sốp Cộp	0,50	CLN	nt	2018	x	
78	Nhà văn hoá bản Tông xã Mường Và	Xã Mường Và	0,06	CLN	nt	2018		x
79	Nhà văn hoá bản Phiêng Ban xã Púng Bính	Xã Púng Bính	0,06	HNK	nt	2018		x
80	Nhà văn hóa bản Pá Vai xã Mường Và	Xã Mường Và	0,05	CLN	nt	2018		x
81	Nhà văn hoá bản Men xã Dồm Cang	Xã Dồm Cang	0,06	CLN	nt	2018		x
82	Nhà văn hoá bản Púng Tông xã Nậm Lạnh	Xã Nậm Lạnh	0,06	CLN	nt	2018		x
83	Nhà văn hóa bản Bằng Tạng xã Dồm Cang	Xã Dồm Cang	0,06	CLN	nt	2018		x
84	Hệ thống kê chống sạt lở TTHC huyện (NQ 138)	Xã Sốp Cộp	2,00	LUA;HNK;	nt	2018		x

C. HUYỆN MAI SON

I	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án							
85	Thu hồi trụ sở BQL Bảo vệ và Phát triển rừng	TT Hát Lót	0,27	TSN	Công trình dự án theo NQ 72, 73 ngày 8/12/2017 của HĐND tỉnh	2018		x
86	Thu hồi đất Trạm thú y	TT Hát Lót	0,06	TSN	Công trình dự án theo NQ 72, 73 ngày 8/12/2017 của HĐND tỉnh	2018		x
87	Thu hồi đất Phòng giáo dục và đào tạo	TT Hát Lót	0,06	TSC	Công trình dự án theo NQ 72, 73 ngày 8/12/2017 của HĐND tỉnh	2018		x
88	Thu hồi đất Bến xe khách huyện	TT Hát Lót	0,15	DGT	Công trình dự án theo NQ 72, 73 ngày 8/12/2017 của HĐND tỉnh	2018		x
89	Thu hồi Hạt Kiểm lâm huyện	TT Hát Lót	0,09	TSC	Công trình dự án theo NQ 72, 73 ngày 8/12/2017 của HĐND tỉnh	2018		x
90	Đội thuế Thị trấn Hát Lót	TT Hát Lót		TSC		2018		x
91	Đội thuế xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai		TSC		2018		x
II	Dự án thu hồi đất GPMB							

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
92	Đường hầm sơ chỉ huy trong căn cứ chiến đấu	Xã Hát Lót	5,00	RSX; CLN; NHK	Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 05/03/2018 của UBND tỉnh	2018		x
93	Cải tạo, nâng cấp trung tâm huấn luyện dự bị động viên - BCHQS tỉnh Sơn La	Xã Chiềng Mung	7,70	NHK 0,6 ha; CLN 7,06 ha; ONT 0,04 ha	nt	2018		x
94	Khu dân cư bản Bom Cưa (đường vào khu CN Mai Sơn)	xã Chiềng Mung	0,50	NHK	nt	2018		x
95	Khu dân cư tiểu khu 14 (bản Dôm)	Thị trấn Hát Lót	7,91	LUK 4,43 ha; HNK 0,8 ha; CLN 2,68 ha;	nt	2018		x
96	Cải tạo nâng cấp công trình thủy lợi Huổi Nhà Khơ Mú	Xã Phiêng Cầm	3,00	NHK; CLN	nt	2018		x
97	Hệ thống cấp nước và xử lý nước thải khu công nghiệp Mai Sơn	Xã Mường Bằng	1,53	HNK 0,92 ha; CLN 0,36 ha; LUC 0,25 ha	nt	2018		x
98	Thủy điện Nậm Pàn 5	Xã Mường Bằng	17,70	LUK 1,0 ha; RPH 4,50 ha; SON, NHK, CLN	nt	2018		x
99	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia giai đoạn 2016-2020	Xã Mường Bằng, Chiềng Nọi, Phiêng Cầm, Cò Nòi	0,41	LUC 0,01 ha; NHK 0,4 ha	nt	2018		x
100	Trường mầm non Nà Bó, xã Nà Bó	xã Nà Bó	0,40	ONT 0,03 ha; NTS 0,01 ha; CLN 0,3 ha	nt	2018		x
101	Đường giao thông từ tiểu khu 21 - nhà văn hóa tiểu khu I thị trấn Hát Lót	TT Hát Lót	0,79	NHK; CLN	nt	2018		x
102	Đường giao thông bản Nà Hạ - Phiêng Sầy - Co Trai, xã Hát Lót đến bản Lù, xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn	Xã Hát Lót; Chiềng Lương	3,00	NHK 2,2 ha; CLN 0,5 ha; LUC 0,2 ha; NTS 0,1 ha	nt	2018		x
103	Xây dựng trụ sở các cơ quan chính trị - hành chính huyện Mai Sơn	TT Hát Lót	5,00	CLN 4,46 ha; ODT 0,36 ha	nt	2018		x

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHSD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
104	Đường tránh QL6 từ tiêu khu 3/2 đi Nhà máy Mía đường Sơn La	xã Cò Nòi	0,50	NHK 0,18 ha; CLN 0,3 ha; ONT 0,02 ha	nt	2018		x



D. HUYỆN VÂN HỒ

I	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án							
105	Khu dịch vụ thương mại, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Bó Nhàng	Xã Vân Hồ	19,47	HNK;LUK;MNC;RSX;RPH	Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 05/03/2018 của UBND tỉnh	2018		x
106	Trạm dừng nghỉ Vân Hồ Km171+200m Quốc Lộ 6	Xã Vân Hồ	5,80	CLN	nt	2018	x	
107	Khu DL sinh thái thác Tạt Nàng, suối Cá và suối nước nóng	Xã Chiềng Yên	100,00	HNK;RSX;RPH;LUK,...	nt	2018		x
108	Cơ sở bệnh viện y học cổ truyền (Xây dựng khu nghỉ dưỡng cho cán bộ cao cấp)	Xã Vân Hồ	10,70	HNK;CLN;LUK;ONT;CAN;RSX;NTS	nt	2018		x
109	Đội tuần tra KSGT 2.6	Xã Lóng Luông	0,02	TSC	nt	2018	x	
110	Căn cứ chiến đấu	Xã Vân Hồ	205,00	HNK;RPH;CSD	nt	2018		x
111	Dự án khai thác quỹ đất dân cư đường cao tốc (khu đô thị Suối Hoa)	Xã Vân Hồ	106,00	HNK	nt	2018		x
112	Dự án khai thác quỹ đất dân cư đường cao tốc	Xã Quang Minh	40,00	HNK	nt	2018		x
II	Dự án thu hồi đất GPMB							
113	Trụ sở Đội Quản lý môi trường	Xã Vân Hồ	0,50	CLN	Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 05/03/2018 của UBND tỉnh	2018		x
114	Trung tâm y tế dự phòng	Xã Vân Hồ	0,82	HNK;LUK	nt	2018		x
115	Dự án Trung tâm điều dưỡng người có công với cách mạng	Xã Vân Hồ	5,00	LUK;HNK;CLN	nt	2018		x
116	Nghĩa trang nhân dân huyện	Xã Vân Hồ	3	HNK	nt	2018		x
117	Đường Quang Minh - Mường Tè	Xã Quang Minh, Mường Tè	12,00	HNK; LUC; ONT;CLN	nt	2018		x
118	Hệ thống đường nội bộ Khu trung tâm hành chính huyện	Xã Vân Hồ	13,70	HNK;ONT;CLN	nt	2018		x
119	Dự án khai thác than của Công ty khoáng sản Sơn La	Xã Suối Bàng	5,00	HNK;RSX;LUK	nt	2018		x
120	Quy hoạch tỷ lệ 1/500 khu dân cư bản Bó Nhàng - Vân Hồ	Xã Vân Hồ	1,80	HNK;CLN	nt	2018		x

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHSD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
121	Công trình chợ trung tâm xã Lóng Luông	Xã Lóng Luông	0,50	CLN	nt	2018		x
122	Chợ xép tại khu vực bản Suối Lìn	Xã Vân Hồ	0,20	HNK;CLN;ONT	nt	2018		x
123	Bệnh viện đa khoa trung tâm huyện Vân Hồ	Xã Vân Hồ	4,80	HNK,LUK	nt	2018		x
124	Đường cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, Sơn La	Xã Quang Minh, Mường Men, Chiềng Khoa	340,30	RPH; RSX; CLN; HNK; ONT; LUC; SON...	nt	2018		x
125	Dự án quy hoạch bò sữa tại bản Pa Chè	Xã Vân Hồ	30,00	HNK	nt	2018		x
126	XD đường Mường Men - Chiềng Yên - Quang Minh (Tái cơ cấu nông sản vùng Chiềng Yên, Quang Minh, Xuân Nha, huyện Vân Hồ)	Xã Mường Men, Chiềng Yên, Quang Minh	26,55	HNK;RSX;RPH;ONT;LUK;CLN;CSD	nt	2018		x
127	Khu hành chính xã Vân Hồ	Xã Vân Hồ	1,80	CLN;HNK;DHT	nt	2018		x
128	Đường QL 6 (Mới) đi trung tâm hành chính mới huyện Vân Hồ	Xã Vân Hồ	15,45	HNK,CLN,ONT,LUK,CSD	nt	2018		x
129	Trụ sở xã Chiềng Khoa	Xã Chiềng Khoa	1,22	DGD,CLN	nt	2018		x
130	Trạm dừng nghỉ, đón trả khách và trạm đăng kiểm tại bản Chiềng Đì 1, xã Vân Hồ	Xã Vân Hồ	2,90	HNK;CLN	nt	2018		x
131	Trường Phổ thông dân tộc nội trú	Xã Vân Hồ	1,60	HNK	nt	2018		x
132	Quảng trường TT hành chính, chính trị huyện	Xã Vân Hồ	1,50	HNK	nt	2018		x
133	Trụ sở Chi nhánh nước huyện Vân Hồ	Xã Vân Hồ	0,66	HNK	nt	2018		x
134	Trụ sở Chi nhánh điện	Xã Vân Hồ	0,76	HNK	nt	2018		x
135	Trụ sở Ngân hàng nông nghiệp	Xã Vân Hồ	0,70	HNK	nt	2018		x
136	Trụ sở Bưu điện	Xã Vân Hồ	0,60	HNK	nt	2018		x
137	Trụ sở làm việc bảo hiểm xã hội huyện Vân Hồ	Xã Vân Hồ	0,50	HNK	nt	2018		x
138	Trụ sở làm việc phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Vân Hồ	Xã Vân Hồ	0,57	HNK;PNK	nt	2018		x
139	Trụ sở làm việc Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Vân Hồ	Xã Vân Hồ	0,53	HNK	nt	2018		x
140	Trụ sở làm việc chi cục thuế huyện Vân Hồ	Xã Vân Hồ	0,50	HNK	nt	2018		x
141	Trụ sở làm việc chi cục kiểm lâm huyện Vân Hồ	Xã Vân Hồ	0,66	HNK	nt	2018		x
142	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Un, xã Song Khùa, huyện Vân Hồ	Xã Song Khùa	1,64	HNK,CLN	nt	2018		x
143	Dự án thu hút đầu tư tại xã Xuân Nha (về chăn nuôi bò sữa, lợn; cây ăn quả; sản xuất nông nghiệp chất lượng cao...)	Xã Xuân Nha	735,54	CLN;HNK;LUK	nt	2018		x

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
144	Hệ thống cơ sở hạ tầng (điện, nước, giao thông) khu bổ sung cấp đất đợt 4 bổ xung	Xã Vân Hồ	1,80	NHK	nt	2018		x
145	Hệ thống cơ sở hạ tầng (điện, nước, giao thông) khu cấp đất cho công an, bộ đội	Xã Vân Hồ	2,00	NHK	nt	2018		x
146	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Co Hó, bản Tàu Dầu, xã Song Khủa, huyện Vân Hồ	Xã Song Khủa	1,52	HNK,CLN	nt	2018		x
147	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Pura Lai, xã Suối Bàng, huyện Vân Hồ	Xã Suối Bàng	2,72	HNK,CLN	nt	2018		x
148	Dự án trồng cây dược liệu tại xã Mường Men	Xã Mường Men	1000,00	CLN;LUN;LUC;NHK;RSX	nt	2018		x
149	San ủi khu dân cư mới tại trung tâm hành chính huyện (Giao đất cho cán bộ công chức, viên chức thuộc diện điều động theo điểm e khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013 (đợt 4) bổ xung ; Đấu giá quyền sử dụng đất khu đất dân cư đối diện Trụ sở HĐND và UBND huyện Vân Hồ; ..)	Xã Vân Hồ	10,00	CLN	nt	2018		x
150	Dự án xây dựng vườn ươm, khu trưng bày cây ăn quả chất lượng cao của công ty TNHH Hoàng Châu	Xã Vân Hồ	1,50	HNK	nt	2018		x
151	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Vân Hồ	Xã Vân Hồ	4,30	HNK	nt	2018		x
152	Bếp ăn cho trẻ trường Mầm non Hoa Đào (điểm trường trung tâm)	Xã Lóng Luông	0,04	DCS	nt	2018		x
153	Nhà lớp học tiểu học bản Cóm	Xã Mường Men	0,03	ONT	nt	2018		x
154	Nhà văn hóa bản Khòng 2	Xã Chiềng Khoa	0,01	RSX	nt	2018		x
155	Nhà văn hóa bản Nà Ngần	Xã Chiềng Khoa	0,01	ONT	nt	2018		x
156	Nhà văn hóa bản Niên	Xã Chiềng Yên	0,01	CLN	nt	2018		x
157	Nhà văn hoá bản Co Tang	Xã Lóng Luông	0,01	DCS	nt	2018		x
158	Nhà văn hóa bản Chua Tai	Xã Vân Hồ	0,01	NHK	nt	2018		x
159	Bãi xử lý rác thải	Xã Chiềng Khoa	4,50	HNK	nt	2018		x
160	Khu dân cư bản Hua Tạt, xã Vân Hồ để đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Vân Hồ	10,50	HNK;CLN;	nt	2018		x
161	Khu dân cư đối hoa ban giáp đường 31,5 m	Xã Vân Hồ	1,80	HNK	nt	2018		x
162	Khu dân cư đối diện trường THCS Vân Hồ tại bản Suối Lìn xã Vân Hồ bên phải tuyến đường tỉnh lộ 101	Xã Vân Hồ	2,00	HNK	nt	2018		x
163	Khu dân cư tại lô 16,17,18,20 - Khu dân cư trung tâm hành chính huyện	Xã Vân Hồ	3,08	HNK	nt	2018		x
164	Khu dân cư đối hoa ban giáp đường 23,5 m lô số 15	Xã Vân Hồ	0,30	HNK	nt	2018		x
165	Khu dân cư lô số 40 bến xe cũ (đã điều chỉnh quy hoạch) giáp chợ lô 31	Xã Vân Hồ	1,30	HNK	nt	2018		x



STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHSD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
166	Khu dân cư lô số 40 đã điều chỉnh để giao đất cho cán bộ công chức viên chức, công an, bộ đội (giáp chè nhạt)	Xã Vân Hồ	1,40	HNK	nt	2018		x
167	Điểm TĐC tại bản Cang (dự án đường cao tốc)	Xã Quang Minh	0,25	HNK	nt	2018		x
168	Điểm TĐC tại bản Pa Khôm (dự án đường cao tốc)	Xã Mường Men	4,00	HNK;LUC	nt	2018		x
169	Điểm TĐC tại bản suối Van (dự án đường cao tốc)	Xã Mường Men	0,60	RSX	nt	2018		x
170	Điểm TĐC tại bản Páng II (dự án đường cao tốc)	Xã Chiềng Khoa	4,00	RSX	nt	2018		x
171	Điểm TĐC tại bản Tin Tộc (dự án đường cao tốc)	Xã Chiềng Khoa	0,30	HNK	nt	2018		x
172	Khu đất ở giáp khu giao đất cho cán bộ công chức, viên chức đợt 4; mặt đường 9,5 m khu trung tâm hành chính, chính trị huyện (14 lô)	Xã Vân Hồ	0,28	HNK	nt	2018		x
173	Khu đất giáp đường 31,5 m đầu tuyến thuộc tiểu khu Sao Đỏ 1 (tỉnh lộ 101 đi xuống khu trung tâm hành chính, chính trị)	Xã Vân Hồ	0,80	CLN,HNK	nt	2018		x
174	Khu dân cư (lô 24 đã điều chỉnh quy hoạch sang đất ở) giáp đường 23,5 m và giáp lô đất đấu giá đợt 2, năm 2017	Xã Vân Hồ	0,80	HNK	nt	2018		x
175	Khu trụ sở tạm Huyện uỷ, HDND huyện tại bản Hang Trùng 1, xã Vân Hồ	Xã Vân Hồ	2,40	HNK	nt	2018		x
176	Nhà máy chế biến chè tại Chiềng Khoa của HTX KD chè Vân Hồ	Chiềng Khoa	0,50	HNK	nt	2018		x
177	Khu sản xuất chế biến nông sản tập trung	Xã Lóng Luông	15,25	NHK; CLN;NTD;D GT	nt	2018		x
178	Trồng cây dược liệu kết hợp du lịch trải nghiệm và nghỉ dưỡng, xây dựng nhà máy sản xuất và chế biến nấm thực nghiệm chất lượng cao tại bản Hang Trùng	Xã Vân Hồ	18,50	RSX,CLN,N HK	nt	2018		x
179	Điểm du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng Chiềng Yên	Xã Chiềng Yên	6,44	LUK,HNK	nt	2018		x
180	Thủy điện Xuân Nha	Xã Xuân Nha	15,30	RPH;SON;R SX;RDD;HN K	nt	2018		x

Đ. HUYỆN BẮC YÊN

I	Dự án đấu giá QSDĐ							
181	Đấu giá đất chân đồi nghĩa trang (cạnh ông Đình Công Nưa)	TT Bắc Yên	0,03	CSD	Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 05/03/2018 của UBND tỉnh	2018	x	
182	Đấu giá đất trung tâm giáo dục thường xuyên cũ	TT Bắc Yên	0,16	DGD	nt	2018	x	
183	Đấu giá đất đồi khí tượng	TT Bắc Yên	0,33	CSD	nt	2018		x
184	Đấu giá đất khu đô thị mới thị trấn Bắc Yên	TT Bắc Yên	1,00	HNK	nt	2018		x
185	Khu dân cư mới - Đấu giá đất nhà công vụ Điện lực	TT Bắc Yên	0,06	DNL	nt	2018	x	
186	Khu dân cư mới - Đấu giá đất Trung tâm Giáo dục lao động	TT Bắc Yên	0,39	DXH	nt	2018		x

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXS chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
187	Khu dân cư mới - Đầu giá đất kho bạc nhà nước	TT Bắc Yên	0,05	TSC	nt	2018		x
188	Khu dân cư mới - Đầu giá đất trụ sở Ban QLDA 1460	TT Bắc Yên	0,02	TSC	nt	2018		x
189	Khu dân cư mới - Đầu giá đất Trụ sở Hạt Kiểm Lâm	TT Bắc Yên	0,11	TSC	nt	2018		x
190	Khu dân cư mới - Đầu giá đất Phòng Nông nghiệp và PTNT	TT Bắc Yên	0,04	TSC	nt	2018		x
191	Khu dân cư mới - Đầu giá đất Trạm Thú y	TT Bắc Yên	0,03	TSC	nt	2018		x
192	Khu dân cư mới - Đầu giá nhà văn hoá TK4	TT Bắc Yên	0,12	DSH	nt	2018	x	
II	Dự án thu hồi đất GPMB							
193	Thao trường huấn luyện Phiêng Ban (Quy hoạch rộng 250 ha)	Xã Phiêng Ban	6,00	HNK	Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 05/03/2018 của UBND tỉnh	2018		x
194	Trận địa súng máy 12,7mm	TT Bắc Yên	0,85	RPH	nt	2018		x
195	Xây điểm trường bản Suối Trắng	Xã Chiềng Sai	0,10	HNK	nt	2018		x
196	Làm mới thủy lợi bản Chông Tra	Xã Háng Đồng	0,05	RPH, HNK	nt	2018		x
197	Thủy Lợi bản Háng A	Xã Làng Chếu	0,10	HNK	nt	2018		x
198	Điện sinh hoạt bản Nong Q B	Xã Tạ Khoa	0,05	HNK	nt	2018		x
199	Điện sinh hoạt Tà Đò Mông	Xã Tạ Khoa	0,05	HNK	nt	2018		x
200	Điện sinh hoạt bản Mống Vàng	Xã Tà Xùa	0,05	HNK	nt	2018		x
201	Điện sinh hoạt bản Chung Chính	Xã Tà Xùa	0,05	HNK	nt	2018		x
202	Điện sinh hoạt bản Suối Thán	Xã Phiêng Ban	0,05	HNK	nt	2018		x
203	Điện sinh hoạt bản Lệnh Tiến	Xã Chim Vàn	0,05	HNK	nt	2018		x
204	Thủy lợi suối Muồng	Xã Muồng Khoa	0,10	HNK	nt	2018		x
205	Thủy điện Phiêng Côn	Xã Phiêng Côn	26,40	RSX, HNK, SON, CSD	nt	2018		x
206	Nhà văn hóa bản Pa Nó	Xã Muồng Khoa	0,03	NHK	nt	2018		x
207	Nhà văn hóa bản Pót	Xã Muồng Khoa	0,03	CLN	nt	2018		x
208	Sân thể thao bản Pót	Xã Muồng Khoa	0,20	LUC	nt	2018		x
209	Nước sinh hoạt bản Khằng	Xã Muồng Khoa	0,05	NHK	nt	2018		x
210	Đường Bản Giàng - Bản ngậm - cửa sập Sông Đà)	Xã Hồng Ngải	4,50	DCS, LUC, RPH, NHK	nt	2018		x
211	Nước sinh hoạt Bản Giàng	Xã Hồng Ngải	0,05	NHK	nt	2018		x
212	Điện sinh hoạt khu vực Suối Cáng, bản Hồng Ngải	Xã Hồng Ngải	0,05	DCS, RPH	nt	2018		x
213	Điện sinh hoạt Suối Lạnh, bản Pe	Xã Song Pe	0,05	HNK	nt	2018		x
214	Nước Sinh hoạt Suối Lộng	Xã Làng Chếu	0,05	RPH	nt	2018		x
215	Thủy Lợi bản Háng C	Xã Làng Chếu	0,05	NHK	nt	2018		x
216	Thủy lợi từ bản Háng B - Háng C đi bản Chếu A, Chếu B	Xã Làng Chếu	0,05	RPH, NHK	nt	2018		x
217	Thủy lợi Muồng Bay bản Cang	Xã Phiêng Ban	0,05	NHK	nt	2018		x

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
218	Thuỷ lợi bản Háng Đồng C	Xã Háng Đồng	0,05	NHK, RPH, DCS	nt	2018		x
219	Đường Sống Pét đi khu sản xuất	Xã Hua Nhân	1,50	DCS, RSX	nt	2018		x
220	Nước sinh hoạt bản Thón B	Xã Hua Nhân	0,05	DCS	nt	2018		x
221	Đường Hua Nhân đi khu sản xuất	Xã Hua Nhân	2,50	NHK, DCS	nt	2018		x
222	Đường từ TT xã đến Bãi đá cô khe Hồ	Xã Háng Chú	0,50	NHK, RPH	nt	2018		x
223	Thuỷ lợi bản Suối Lệnh B	Xã Háng Chú	0,05	NHK	nt	2018		x
224	Thuỷ lợi bản Suối Lệnh A	Xã Háng Chú	0,05	RPH	nt	2018		x
225	Nước sinh hoạt bản Suối Lệnh B	Xã Háng Chú	0,05	RPH	nt	2018		x
226	Bãi rác thải khu trung tâm xã	Xã Tà Xùa	0,50	RPH	nt	2018		x
227	Cầu tràn từ bờ Suối Tà Xùa C sang bản Chổng tra	Xã Tà Xùa	0,01	CSD	nt	2018		x
228	Thuỷ điện Suối Sập 2A	Xã Phiêng Ban, Xã Tà Xùa	11,88	RSX, CSD, RPH, HNK	nt	2018	x	
229	Bổ sung diện tích Thuỷ điện Háng Đồng B	Xã Háng Đồng	60,76	CSD, NHK, SON, RPH	nt	2018		x
230	Dự án Bổ sung quy hoạch thủy điện trên suối Xím Vàng (Thượng lưu thủy điện Xím Vàng 2)	Xã Làng Chếu, xã Xím Vàng	10,00	LUK, RPH, HNK	nt	2018		x
231	Thuỷ điện Hồng Ngải	Xã Hồng Ngải	9,45	LUC, HNK	nt	2018	x	
232	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Lùm thượng B, xã Pắc Ngà	xã Pắc Ngà	2,50	HNK	nt	2018	x	
233	Xây dựng nhà máy chế biến chè	Xã Tà Xùa	2,00	HNK		2018		x

E. HUYỆN YÊN CHÂU

	Thu hồi đất GPMB							
234	Trận địa phòng không 12,7 ly	TT Yên Châu, Xã Viêng Lán	4,51	HNK, RSX				x
235	Khu vui chơi giải trí huyện Yên Châu	TT Yên Châu, Xã Viêng Lán	8,77	LUC, NTS	nt			x
236	Khu dân cư bản Kim Chung 1 xã Phiêng Khoài (Trụ sở UBND xã cũ)	Xã Phiêng Khoài	0,08	TSC	nt		x	
237	Khu dân cư sân vận động cũ trung tâm xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	0,12	DTT	nt		x	
238	Đất cung giao thông Hạt 7 cũ	Xã Tú Nang	0,07	DGT	nt			x
239	Chợ trung tâm thị trấn Yên Châu	T.T Yên Châu, xã Viêng Lán	2,50	LUC	nt			x
240	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND - UBND xã Chiềng Khoi + NVH xã	Xã Chiềng Khoi	0,60	CLN, RSX	nt			x
241	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND - UBND xã Chiềng Tương	Xã Chiềng Tương	0,30	DGD	nt			x
242	Mở rộng trạm y tế thị trấn Yên Châu	Thị trấn Yên Châu	0,02	ODT	nt			x

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHSD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
243	Trạm y tế xã Sập Vạt	Xã Sập Vạt	0,08	TSC, DGD	nt			x
244	Trạm quan trắc khí hậu và dự báo mưa lũ		0,10	HNK	nt			x
245	Khu đất ở bản Yên Thi (giáp đường đi vào bản Noong Đức)	Xã Lũng Phiêng	2,20	HNK	nt			x
246	Chợ nông thôn đầu cầu cứng xã Yên Sơn	Xã Yên Sơn	0,30	LUC	nt			x
247	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai lũ ống, lũ quét bản Na Pa, xã Sập Vạt	Xã Sập Vạt	5,00	HNK	nt			x
248	Khu chôn lấp và xử lý chất thải rắn huyện Yên Châu	Xã Viêng Lán	4,50	HNK	nt			x
249	Cây xăng xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	0,1	CLN	nt			x
250	Khai thác vật liệu sản xuất thông thường tại bản Đông, xã Chiềng Khoi	xã Chiềng Khoi	2,5	RSX	nt			x
251	Khu dân cư thị trấn Yên Châu (trụ sở 661 cũ)	Thị trấn Yên Châu	0,1	TSC	nt			x

G. HUYỆN PHÙ YÊN

I	Dự án đầu giá QSDĐ							
252	Dự án phát triển quỹ đất xã Huy Hạ	xã Huy Hạ	0,2	ONT	Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 05/03/2018 của UBND tỉnh	2018		x
253	Dự án phát triển quỹ đất, tạo nguồn thu từ quỹ đất của trại giống lúa Phù Yên	Xã Huy Bắc	6,32	TSC, LUC	nt	2018		x
254	Dự án phát triển quỹ đất, tạo nguồn thu từ quỹ đất của trại cá Phù Yên	xã Quang Huy	2,71	LUC, NKH, DTS	nt	2018		x
255	Khu đô thị Co Kiêng (giáp khu quy hoạch Trung tâm văn hóa TDTT và công viên 18/10)	xã Quang Huy	1	LUC	nt	2018		x
256	Khu dịch vụ tổ hợp, thương mại xã Quang Huy (đất Trại cá)	xã Quang Huy	4	NTS	nt	2018		x
257	Khu đô thị Đồng Đa (dọc 2 bên QL 37: từ ngã ba rẽ vào bản Kim Tân đến cổng chào xã Huy Hạ)	thị trấn Phù Yên	3	LUC	nt	2018		x
258	Khu đô thị bến xe cũ Phù Yên	thị trấn Phù Yên	0,3	DGT	nt	2018		x
259	Dự án phát triển quỹ đất bản Bùa Thượng	xã Tường Phù	1,4	LUK	nt	2018		x
260	Mở rộng công viên 2/9 (trình bổ sung thêm diện tích)	xã Huy Bắc	1,8	LUC, HNK	nt	2018	x	
261	Khu đô thị bản Phố xã Huy Bắc (Lô đất còn lại)	Xã Huy Bắc	0,69	ODT	nt	2018	x	
262	Khu đất đình đèo Nhọt	Xã Suối Bau	0,2	ONT	nt	2018		x
263	Khu bản Lá xã Gia Phù	Xã Gia Phù	1,1	ONT	nt	2018		x
264	Dự án phát triển quỹ đất ở bản Nà Khảm	xã Gia Phù	0,1	LUC	nt	2018		x
II	Thu hồi đất GPMB							

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
265	Đồn công an xã Tân Lang	xã Tân Lang	0,24	TSC	Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 05/03/2018 của UBND tỉnh	2017	×	
266	Tổ cảnh sát giao thông xã Mường Cơi	Xã Mường Cơi	0,06	CLN	nt	2018		×
267	Thao trường bắn xã Tường Phong	Xã Tường Phong	0,5	RSX	nt	2018		×
268	Thao trường bắn (bản Nà Xá 2)	Xã Quang Huy	3	RSX	nt	2018		×
269	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện	xã Huy Bắc	0,35	LUC	nt	2017	×	
270	Dự án thủy điện Mường Bang	xã Mường Bang	14,91	HNK	nt	2017	×	
271	Trụ sở UBND xã Sập Xa	xã Sập Xa	0,5	LUK	nt	2018		×
272	Mở rộng nhà máy sản hàng may mặc của công ty Tâm Việt (GD 2)	xã Gia Phù	2	LUC	nt	2018		×
273	Dự án hệ thống thủy lợi cụm xã Tường Phù - Tường Thượng - Gia Phù	Xã Tường Thượng, Tường Phù, Gia Phù	2	LUC, SON	nt	2019		×
274	Nhà văn hóa bản Nà Lò 3, Nà Lìu I, Đồng cù, Bó 1, Bó 2, Bản Xường Đường, xã Huy Hạ	xã Huy Hạ	0,21	LUC	nt	2018		×
275	Sân thể thao TT xã (bản nà Phái)	xã Huy Bắc	0,4	NTS	nt	2018		×
276	Nhà Văn Hóa xã Huy Bắc	xã Huy Bắc	0,3	NTS	nt	2018		×
277	Xây dựng trường mầm non Hoa Ban	xã Huy Bắc	0,98	LUC	nt	2017	×	
278	Dự án khu thương mại, dịch vụ, khách sạn Tiến Anh	xã Huy Bắc	1,03	LUC	nt	2017	×	
279	Mở rộng trường mầm non xã Mường Thái	xã Mường Thái	0,2	LUC	nt	2018		×
280	Sân TT bản Suối Quốc, xã Mường Thái	xã Mường Thái	0,3	RSX	nt	2018		×
281	Nhà máy xử lý rác thải xã Mường Thái	Xã Mường Thái	5	DXH	nt	2018		×
282	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Huy Bắc	xã Huy Bắc	0,3	NTS	nt	2018		×
283	Mở rộng Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Bang	xã Mường Bang	0,17	DYT	nt		×	
284	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Nam phong + NVH xã	xã Nam Phong	0,23	ONT, CLN	nt	2018		×
285	Bến xe khách huyện Phù Yên (phía Nam thị trấn)	xã Huy Hạ	1,04	LUC	nt	2019		×
286	Nâng cấp đường giao thông liên xã Quang Huy - Huy Tân	xã Huy Tân	0,13	LUC, HNK	nt	2018		×
287	Đường nội thị khu đô thị Đồng Đa, thị trấn Phù Yên	thị trấn Phù Yên	2,6	LUC	nt		×	
288	Đường giao thông từ Đồng Đa đến Công viên 18/10	thị trấn Phù Yên	3	LUC	nt	2019		×
289	Các công trình Điện nông thôn	Các xã trong huyện	28,78	HNK	nt			×

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
290	Nhà văn hóa bản Mo 3, Xã Quang Huy	xã Quang Huy	0,02	LUC	nt	2018		×
291	Khu thể thao + các công trình phụ trợ	thị trấn Phù Yên	0,21	DVH	nt			x
292	Cây xăng xã Mường Bang	xã Mường Bang	0,15	LUC	nt	2018		×
293	Trung tâm tổ hợp thương mại dịch vụ và Chợ đầu mối nông sản	xã Huy Hạ	1	LUC	nt	2018		×
294	Xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh (Xưởng cán tôn thép của Doanh nghiệp Tuổi trẻ)	xã Huy Hạ	0,22	LUC	nt			
295	Trung tâm tổ hợp dịch vụ thương mại Hoa Xuân - Phù Yên	xã Quang Huy	1	LUC	nt	2019		×
296	Bổ sung diện tích xây dựng thủy điện Háng đồng B	xã Suối Tọ	11,93	RPH, RSX, NHK, CSD	nt		×	
297	Bố trí đất sản xuất cho các hộ dân tại điểm TĐC Suối Dinh	xã Mường Bang	17,6	RPH	nt		×	
298	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Thín xã Tường Tiến (27 hộ)	xã Tường Tiến	1,08	HNK	nt		×	
299	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Trùng, bản Bang xã Mường Bang (77 hộ)	xã Mường Bang	3,08	HNK	nt		×	
300	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Sọc xã Mường Bang (52 hộ)	xã Mường Bang	2,08	HNK, RSX	nt		×	
301	Bố trí sắp xếp dân cư cho các hộ bị ảnh hưởng thiên tai cho các xã trên địa bàn huyện.	Các xã trong huyện	7,8	HNK	nt		×	
302	Trường tiểu học Mường Cơi 1	Xã Mường Cơi	0,1	HNK	nt	2018		×
303	MR Trường THCS Mường Cơi	Xã Mường Cơi	0,02	HNK	nt	2018		×
304	Nhà văn hóa bản Thịnh Lang 1	xã Tân Lang	0,02	CLN	nt	2018		×
305	Nhà văn hóa bản Thịnh Lang 2	xã Tân Lang	0,02	NHK	nt	2018		×
306	Lớp học mầm non bản Thượng Lang	xã Mường Lang	0,02	NHK	nt	2018		×
307	Lớp học mầm non bản Trò	xã Suối Tọ	0,01	NHK	nt	2018		×
308	Lớp học mầm non bản C	xã Suối Tọ	0,01	NHK	nt	2018		×
309	Lớp học mầm non bản A	xã Suối Tọ	0,01	NHK	nt	2018		×
310	Trạm y tế xã Suối Tọ	xã Suối Tọ	0,15	NHK	nt	2018		×
311	Trạm y tế xã Kim Bon	xã Kim Bon	0,15	CSD	nt	2018		×
312	Trụ sở làm việc đội quản lý đô thị huyện Phù Yên	thị trấn PY	0,38	NTD	nt			×
313	Nhà văn hóa Bản Nà Mạc 2	xã Gia Phù	0,02	NHK	nt	2018		×
314	Nhà văn hóa bản Phai Làng 1, xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	0,02	DTT	nt	2018		×
315	Nhà văn hóa bản Dèm Hạ 1, xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	0,02	DTT	nt	2018		×
316	Nhà văn hóa bản Dèm Hạ 2, xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	0,02	DTT	nt	2018		×

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
317	Trường tiểu học Khu 1 (tách từ trường cấp 2 Tường Thượng)	xã Tường Thượng	0,2	DTT	nt	2018		x
318	Sân TT cụm bản Bùa Chung	xã Tường Phù	0,41	NTS	nt	2018		x
319	Trường mầm non khu TT xã	Xã Mường Cơi	0,07	CLN	nt	2018		x

H. HUYỆN THUẬN CHÂU

	Thu hồi đất GPMB							
320	Cầu tràn liên hợp bản Tăng, Huổi Kép, xã Nậm Lầu	Xã Nậm Lầu	1	HNK;CSD	nt			x
321	Cầu vào bản Huổi Lương - Nà Lanh, xã Ế Tòng	Xã Ế Tòng	0,04	HNK;SON	nt			x
322	Kiên cố hóa kênh đất Phai Sia bản Lái Lọng, xã Chiềng Bôm	Xã Chiềng Bôm	0,15	HNK;CSD	nt			x
323	Nâng cấp Mường Nà Nốc, bản Pom Quang, xã Púng Tra	Xã Púng Tra	0,12	LUA	nt			x
324	Nhà trực điện xã Co Mạ	Xã Co Mạ	0,15	HNK	nt		x	
325	Nhà trực điện xã Nậm Lầu	Xã Nậm Lầu	0,028	HNK;ONT	nt		x	
326	Sắp xếp dân cư cho 34 hộ dân thuộc các bản Hinh, Có B, Phé ABC, Thúm	Xã Tông Cọ	4,2	LUA;HNK	nt			x
327	Nhà văn hóa bản Tạng Phát, xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha	0,1	HNK	nt			x
328	Nhà văn hóa bản Lọng Chộc, xã Nậm Lầu	Xã Nậm Lầu	0,05	LUA	nt			x
329	Nhà văn hóa Cùm Tra - Dòm	Xã Púng Tra	0,06	LUA	nt			x
330	Trạm y tế xã Long Hẹ, huyện Thuận Châu	Xã Long Hẹ	0,3	HNK	nt			x
331	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS Phổng Lập	Xã Phổng Lập	0,10	HNK	nt			x
332	Nhà lớp học 2 phòng trường tiểu học Púng Tra	Xã Púng Tra	0,03	HNK	nt			x
333	Kè trường MN Nà Mát	Xã Púng Tra	0,10	HNK	nt			x
334	NLH điểm trường Pục Tún trường MN Phong Lan Mường Khiêng 1	Xã Mường Khiêng	0,05	HNK	nt			x
335	Nhà lớp học trường mầm non xã Bản Lầm	Xã Bản Lầm	0,06	CLN	nt			x
336	Phòng học chức năng trường MN Nguyễn Trãi - Ninh Thuận xã Bon Phặng	Xã Bon Phặng	0,03	HNK	nt			x
337	NLH 1 phòng trường mầm non điểm trường bản Hán, xã Chiềng Ly	Xã Chiềng Ly	0,02	HNK	nt			x
338	Nhà công vụ trường mầm non Co Tòng	Xã Co Tòng	0,05	HNK;RPH	nt			x
339	Nhà lớp học mầm non bản Nậm Ún, xã Mường Bám	Xã Mường Bám	0,03	HNK	nt			x
340	NLH mầm non điểm trường Pá Ný, xã Pá Lông	Xã Pá Lông	0,03	HNK	nt			x
341	NLH mầm non điểm trường Hua Ngáy, xã Pá Lông	Xã Pá Lông	0,03	HNK	nt			x
342	Nhà bán trú học sinh trường THCS Pá Lông	Xã Pá Lông	0,05	CLN	nt			x
343	Chỉnh trang sân vận động và cải tạo nâng cấp kỳ đài huyện Thuận Châu	Thị trấn Thuận Châu	0,55	CLN;ODT	nt			x
344	Cầu treo bản táng AB xã Tông Lạnh	Xã Tông Lạnh	0,15	SON;CSD	nt			x
345	Đường 108 - Chiềng Bôm - Mường Chanh Đoạn Km28-Km31	Xã Bản Lầm	3,02	LUA;HNK	nt		x	

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
346	Đường bản Nà Hộc, xã Bó Mười	Xã Bó Mười	1,1	HNK;CLN;CSD	nt			x
347	Đường bản Nậm Búa, xã Long Hẹ	Xã Long Hẹ	0,4	HNK;CLN;R SX;CSD	nt			x
348	Cầu bê tông báng Kiềng A, xã Mường É	Xã Mường É	0,15	HNK;CSD	nt			x
349	Cầu Bê tông Hong Cang bản Nà Lầu, xã Mường É	Xã Mường É	0,2	HNK;CSD	nt			x
350	Cầu suối Ty bản Huổi Kép, đi bản Huổi xưa	Xã Nậm Lầu	0,7	HNK;CSD	nt			x
351	Cầu qua suối bản Há Khúa B, xã Co Tòng	Xã Co Tòng	0,03	HNK	nt			x
352	Cầu treo bản Huổi Dên, xã Co Mạ	Xã Co Mạ	0,03	HNK	nt			x
353	Đường bản Huổi Tát, xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha	4	HNK;CLN;CSD	nt			x
354	Đường từ quốc lộ 6 - Bản Lọng Mén	Xã Chiềng Pắc	0,07	CLN	nt			x
355	Đường liên bản Dẹ,xã Tông Lạnh - Nà Tong, Chiềng Ly	Xã Chiềng Ly, Xã Tông Lạnh	0,4	HNK;CLN;CSD	nt			x
356	Cầu qua suối đi 3 bản Hua Ngáy, Há Dụ, Hua Dấu	Xã Pá Lông	1,2	LUA;HNK	nt			x
357	Nâng cấp NSH bản Nà Hạt, xã Púng Tra	Xã Púng Tra	0,05	CLN	nt			x
358	Nâng cấp thủy lợi Huổi Táp, xã Tông Cọ	Xã Tông Cọ	0,2	HNK	nt			x
359	Mương Huổi Sỏi, xã Chiềng Ngâm	Xã Chiềng Ngâm	0,1	HNK	nt			x
360	Thủy lợi Pú Bâu, xã Chiềng Ngâm	Xã Chiềng Ngâm	0,2	HNK;CLN	nt			x
361	NSH bản Tát Uót ban xa xã Liệp Tè	Xã Liệp Tè	3	HNK;CLN;CSD	nt			x
362	Nâng cấp thủy lợi Phai Mô, bản Ten Ké, xã Chiềng Bôm	Xã Chiềng Bôm	0,12	HNK;CSD	nt			x
363	Kênh Phai Lái, xã Chiềng Pắc	Xã Chiềng Pắc	0,11	LUA;HNK	nt			x
364	Sửa chữa Nước sinh hoạt bản Nà La A, xã Mường Bám	Xã Mường Bám	0,84	HNK;CLN;CSD	nt			x
365	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Nà Hát B, xã Mường Bám	Xã Mường Bám	0,3	HNK	nt			x
366	Thủy lợi Nà Lọ, xã Phông Lãng	Xã Phông Lãng	0,1	LUA;HNK	nt			x
367	Thủy lợi Noong Pồng	Xã Phông Lãng	0,1	LUA;HNK	nt			x
368	Điện sinh hoạt bản Pú Chứm, xã Long Hẹ	Xã Long Hẹ	0,64	HNK;CLN;R PH;CSD	nt			x
369	Điện sinh hoạt bản Lọng Lót, xã Chiềng La	Xã Chiềng La	0,5	HNK;CLN	nt			x
370	Chợ xã É Tòng	Xã É Tòng	0,22	HNK	nt			x
371	Nhà văn hóa bản Mé, xã Bon Phặng	Xã Bon Phặng	0,05	CLN	nt			x
372	Nhà văn hóa bản Cống, xã Muối Nội	Xã Muối Nội	0,05	CLN	nt			x
373	Nhà văn hoá bản Phai Khon xã Bó Mười	Xã Bó Mười	0,02	HNK	nt			x
374	Nhà văn hóa bản Phạ, xã Mường É	Xã Mường É	0,05	CLN	nt			x
375	Nhà văn hoá bản Lè B. xã Tông Cọ	Xã Tông Cọ	0,05	CLN	nt			x
376	Nhà văn hoá bản Kẹ, xã Phông Lập	Xã Phông Lập	0,12	HNK	nt			x

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
377	GPMB, cải tạo mặt bằng khu dân cư Tây Nam hồ Noong Luông	Thị trấn Thuận Châu	0,1	CLN	nt			x
I. HUYỆN MƯỜNG LA								
I	Dự án đầu tư QSDĐ							
378	Đầu tư đất khu đối diện bệnh viện mới (VT1)	TT Ít Ong	0,38	CSD	nt		x	
379	Khu đối diện TT Chính trị (TK1)	TT Ít Ong	0,05	CSD	nt		x	
II	Thu hồi đất GPMB							
380	Công viên đồn Pom Pát	TT Ít Ong	14,00	NTS, NHK	nt			x
381	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Giàng Phông, xã Ngọc Chiến	Xã Ngọc Chiến	4,50	NHK, LUK	nt	Quý 4/2018		x
382	Bãi rác thải xã Mường Bú	Xã Mường Bú	5,00	NHK, CSD	nt	Quý 4/2018		x
383	Thoát lũ tiêu khu 4	TT Ít Ong	0,53	NHK	nt		x	
384	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC bản Huổi Tóng	Xã Chiềng Lao	0,50	RSX, NHK	nt		x	
385	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Hua Trai	Xã Hua Trai	0,50	NHK	nt		x	
386	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Nong Buôi	Xã Mường Chùm	0,50	NHK	nt		x	
387	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Pi Toong	Xã Pi Toong	0,50	NHK, RPH	nt		x	
388	Đường đến điểm TĐC Huổi Liu	Xã Mường Chùm	1,00	NHK	nt		x	
389	Đường vào TĐC xen ghép bản Chón xã Mường Bú	Xã Mường Bú	1,00	NHK	nt		x	
390	Đường GT từ TT xã Mường Trai đến điểm TĐC Khâu Ban, điểm TĐC Huổi Co Có	Xã Mường Trai	1,00	NHK	nt		x	
391	Đường giao thông từ đập thủy điện đến điểm TĐC Pá Hát	Xã Pi Toong	1,00	CSD, NHK	nt		x	
392	Điểm TĐC xen ghép bản Pét, xã Tạ Bú (San nền + đường nội bộ)	Xã Tạ Bú	1,5	NHK	nt		x	
393	Điểm TĐC xen ghép bản Tạ Bú, xã Tạ Bú (Đường nội bộ)	Xã Tạ Bú	0,59	NHK	nt		x	
394	Điểm TĐC xen ghép bản Búng, xã Tạ Bú (Đường vào điểm)	Xã Tạ Bú	0,5	NHK	nt		x	
395	Điểm TĐC xen ghép Pá Chiến, xã Chiềng San (Nước sinh hoạt)	Xã Chiềng San	0,1	NHK	nt		x	
396	Điểm TĐC xen ghép Nong Lung, xã Chiềng Hoa (Nước sinh hoạt)	Xã Chiềng Hoa	0,1	NHK	nt		x	
397	Điểm TĐC xen ghép Nà Sàng, xã Chiềng Hoa (San nền + đường nội bộ)	Xã Chiềng Hoa	1,2	HNK	nt		x	
398	Lô số 16 khu dân cư Trung tâm xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Xã Ngọc Chiến	0,16	CSD	nt		x	
399	Khu đất bãi bản cũ, tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong	TT Ít Ong	0,08	CSD	nt		x	
400	Khu du lịch, nghỉ dưỡng Ngọc Chiến	Xã Ngọc Chiến	10,00	LUK, ONT, SON, RSX, NTS	nt			x
401	Khu du lịch, nghỉ dưỡng Ít Ong	TT Ít Ong	10,00	LUC, NTS, SON	nt			x



STT	Tên danh/mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
402	Dự án Thủy điện Ngọc Chiến	Xã Ngọc Chiến	27,13	RSX, NHK	Công văn 1323/TT HĐND ngày 06/4/2018 của Thường trực HĐND tỉnh			x

K. HUYỆN SÔNG MÃ

I	Dự án đầu giá QSDĐ							
403	Đầu giá khu đất thu hồi của Công ty cổ phần lương thực Sơn La	Thị trấn Sông Mã	0,38	SKC	Đã có trong KHSD đất 2018		x	
404	Đầu giá khu đất thu hồi của điểm trường mầm non Hoa Hồng xã Chiềng Khương	Xã Chiềng Khương	0,18	DGD	Đã có trong KHSD đất 2018		x	
405	Đầu giá khu đất dọc bờ tả Sông Mã từ cầu Nà Hin đến tổ dân phố 11, thị trấn Sông Mã	Thị trấn Sông Mã	0,04	NHK	Đã có trong KHSD đất 2018			x
406	Khu dân cư mới xã Yên Hưng (Đầu giá khu đất Trại sở xã Yên Hưng cũ)	Xã Yên Hưng	0,37	TSC	Đã có trong KHSD đất 2018			x
II	Thu hồi đất GPMB				Đã có trong KHSD đất 2018			
407	Thủy lợi Hin Pên - Nộc Cốc xã Đứa Mòn	Xã Đứa Mòn	0,12	LUC(0,10), HNK(0,02)	Đã có trong KHSD đất 2018			x
408	Thủy lợi Nà Cẩn II xã Chiềng Sơ	Xã Chiềng Sơ	0,12	LUC(0,1), HNK(0,02)	Đã có trong KHSD đất 2018			x
409	Nhà văn hoá bản Huổi Dắng xã Chiềng Cang	Xã Chiềng Cang	0,03	HNK	Đã có trong KHSD đất 2018			x
410	Nhà văn hóa xã Huổi Một	Xã Huổi Một	0,22	HNK	Đã có trong KHSD đất 2018			x
411	Nhà văn hoá bản Cánh Kiến xã Nà Nghịu	Xã Nà Nghịu	0,05	NTD	Đã có trong KHSD đất 2018			x
412	Nước sinh hoạt bản Lũng Há xã Yên Hưng	Xã Yên Hưng	0,05	HNK	Đã có trong KHSD đất 2018			x
413	Nước sinh hoạt bản Lán Lanh xã Chiềng Khoong	Xã Chiềng Khoong	0,03	RPH(0,01), HNK(0,02)	Đã có trong KHSD đất 2018			x
414	Đường trung tâm xã - bản Pá Pao xã Yên Hưng	Xã Yên Hưng	1,00	NHK	Đã có trong KHSD đất 2018			x
415	Thủy điện Mường Hung	Xã Chiềng Khoong, Chiềng Cang, Mường Hung	116,47		Đã có trong KHSD đất 2018		x	
416	Thủy lợi phai bản Pá Có xã Chiềng Khoong	Xã Chiềng Khoong	0,12	0,05 LUC, 0,07 NHK	Đã có trong KHSD đất 2018	Quý III/2018		x
417	Thủy lợi bản Nà Sàng xã Chiềng Phung	Xã Chiềng Phung	0,10	0,08 LUC, 0,02 NHK	Đã có trong KHSD đất 2018			x
418	Thủy lợi phai bản Tia II (điểm cầu treo giữa bản) xã Đứa Mòn	Xã Đứa Mòn	0,06	LUC, NHK	Đã có trong KHSD đất 2018			x
419	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Cai	Xã Mường Cai	0,40	NHK	Đã có trong KHSD đất 2018			x
420	Trường tiểu học xã Mường Cai	Xã Mường Cai	0,40	NHK	Đã có trong KHSD đất 2018			x
421	Trạm y tế xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm	0,29	CLN	Đã có trong KHSD đất 2018			x
422	Trường tiểu học xã Mường Sai (điểm trung tâm)	Xã Mường Sai	0,11	CLN	Đã có trong KHSD đất 2018			x

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHSD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
423	Thủy lợi bản Nà Pán xã Nà Nghịu	Xã Nà Nghịu	0,10	0,03 LUC, 0,04 HNK	Đã có trong KHSD đất 2018			x
424	Trạm y tế xã Nà Nghịu	Xã Nà Nghịu	0,11	CLN	Đã có trong KHSD đất 2018			x
425	Thủy lợi Na Lao bản Chà xã Nậm Mẩn	Xã Nậm Mẩn	0,20	LUC, NHK	Đã có trong KHSD đất 2018			x
426	Cầu treo bản Mện xã Nậm Ty	Xã Nậm Ty	0,10	0,05 CLN, 0,05 NHK	Đã có trong KHSD đất 2018			x
427	Đường giao thông từ đường Nậm Ty - Chiềng Phung đến trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Chiềng Phung	Xã Chiềng Phung	0,30	NHK	Đã có trong KHSD đất 2018		x	
428	Hót sọt, kè bảo vệ điểm dân cư điểm tái định cư bản Khún 1, xã Mường Hung	Xã Mường Hung	0,21	NHK	Đã có trong KHSD đất 2018		x	
429	Thủy điện Bó Sinh	Xã Bó Sinh	120,00	4,85 LUC, 2,2 RPH, 42,95 SON, 30,0 CSD, 40,0 NHK	Đã có trong KHSD đất 2018			x
430	Thủy điện Nậm Công 3A	Xã Huổi Một	11,79	SON(5,0),CS D(3,29),HN K(2,0),RSX(1,4),NTS(0,1)	Đã có trong KHSD đất 2018			x
431	Xây dựng hệ thống hạ tầng dọc bờ tả Sông Mã từ cầu Nà Hin đến tổ dân phố 11 thị trấn Sông Mã	Thị trấn Sông Mã	11,27	ODT, CLN, NHK, DGT, SON	Đã có trong KHSD đất 2018			x
432	San nền Khu 6, khu 9 thị trấn Sông Mã	Xã Nà Nghịu	4,76	0,26 LUC, 1,91 CLN, 1,2 NHK, 0,37 NTS, 1,02 DTT	Đã có trong KHSD đất 2018			x
433	Hệ thống đường giao thông khu 6, khu 9 thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã	Xã Nà Nghịu	4,90	0,11 LUC, 2,63 NHK, 2,16 NTS	Đã có trong KHSD đất 2018			x
434	Sân vận động huyện Sông Mã	Xã Nà Nghịu	2,67	0,67 NHK, 2,0 NTS	Đã có trong KHSD đất 2018			x
435	Hệ thống đường giao thông khu đô thị Hung Mai, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã	Xã Nà Nghịu	6,52	0,44 ONT, 5,4 LUC, 0,68 CLN	Đã có trong KHSD đất 2018			x

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
436	San nền khu quy hoạch cây xanh khu đô thị Hưng Mai thị trấn Sông Mã	Xã Nà Nhị	5,37	4,0 LUC, 1,34 NTS, 0,03 SON	Đã có trong KHSD đất 2018			x
437	San nền khu đất ở, khu dịch vụ thương mại khu đô thị Hưng Mai thị trấn Sông Mã	Xã Nà Nhị	7,26	LUC, CLN, NHK, NTS,	Đã có trong KHSD đất 2018			x

L. HUYỆN QUỲNH NHAI

I	Dự án đấu giá QSDĐ							
438	Dọc Quốc lộ 279 lô X-8 từ nhà hàng Dũng thụy đến cầu số 2	Xã Mường Giàng	0,67	ONT	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 12/3/2018		x	
439	Trung tâm xã Mường Giôn (sau chợ)	Xã Mường Giôn	0,50	ONT	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 12/3/2018			x
440	Khu trung tâm xã Mường Giàng (Ngã ba đi vào UBND xã Mường Giàng)	Xã Mường Giàng	0,37	ONT	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 12/3/2018			x
441	Trung tâm xã Mường Giôn gần cây xăng	Xã Mường Giôn	0,20	ONT	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 17/4/2017			x
442	Khu trung tâm xã Chiềng Ôn	Xã Chiềng Ôn	0,40	ONT	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 12/3/2018			x
443	Khu đất Q-04 đối diện phòng NN và PTNT	Xã Mường Giàng	0,13	ONT	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 12/3/2018		x	
444	Đấu giá đất ở lô ODH-81 Khu đất Phiêng Nền	Xã Mường Giàng	0,39	ONT	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 12/3/2018			x
445	Đấu giá khu trường mầm non cũ xã Chiềng Khoang	Xã Chiềng Khoang	0,30	ONT	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 12/3/2018			x
446	Đấu giá khu trung tâm xã Pá Ma Pha Khinh	Xã Pá Ma Pha Khinh	0,20	ONT	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 12/3/2018			x
447	Đấu giá kho lương thực cũ xã Chiềng Khoang	Xã Chiềng Khoang	0,09	ONT	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 12/3/2019			x
448	San ủi khu Huồi Quổi (tạo quỹ đất đấu giá)	Xã Chiềng Bằng	0,99	ONT	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 12/3/2020			x
449	San ủi khu cây xăng xã Mường Giôn (tạo quỹ đất đấu giá)	Xã Mường Giôn	0,20	ONT	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 12/3/2021			x
450	Đất ở khu trung tâm cụm xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay	0,72	ONT	nt			x
451	Dọc Quốc lộ 279 đi về phía cầu pá uôn (khu đền nàng Han)	Xã Mường Giàng	0,40	ONT	nt			x
452	Đấu giá đất ở khu dự trữ doanh nghiệp	Xã Mường Giàng	0,50	ONT	nt			x

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHSD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
453	các thửa đất quy hoạch dân cư còn lại sau khi bố trí ĐCĐ	Xã Mường Giàng	0,40	ONT	nt			x
454	đầu giá đất ở khu trạm y tế cũ xã Mường Giàng	Xã Mường Giàng	0,40	ONT	nt			x
455	Đầu giá cho thuê đất công nghiệp ở Phiêng Nèn	Xã Mường Giàng	2,00	CN	Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 5/6/2017 của UBND tỉnh Sơn La			x
456	Đầu giá cho thuê đất sản xuất kinh doanh hỗn hợp ở Phiêng Nèn	Xã Mường Giàng	0,75	SXKD	Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND tỉnh Sơn La			x
II Thu hồi đất GPMB								
457	Bãi đỗ xe Đền Linh Sơn Thủy Từ	Xã Chiềng Bằng	0,40	LUA: 0,20 ha; HNK: 0,20 ha	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 12/03/2018 của UBND tỉnh			x
458	Công trình đường GTNT bản Huổi Tăm - Nà Phi - Co Săn (5 km còn lại)	Xã Mường Sại	9,24		nt			x
459	Trận địa súng máy phòng không 12,7 mm	Xã Mường Giàng	1,46	HNK: 0,86; RPH: 0,6 ha	nt			x
460	Đường GT Bản Lý - Phòng Lái Thuận Châu (4,5km)	Xã Chiềng Khoang	0,90		nt		x	
461	Đường bản Hậu - Chiềng Pha (Thuận Châu)	Xã Chiềng Khoang	0,92	HNK	nt		x	
462	Trường mầm non	xã Chiềng Khoang	0,95	HNK ONT	nt			x
463	Cầu kết cầu thép trung tâm xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	0,2	CLN	nt			x

M. THÀNH PHỐ SƠN LA

I Dự án đầu giá QSĐĐ, giá đầu thầu								
464	Hạ tầng khu dân cư Lô số 3b, thành phố Sơn La	Phường Tô Hiệu	1,36	LUC	nt			x
465	Khu dân cư lô số 3a dọc suối Nậm La + đất dự án Hồ sanh 6.660m2	Phường Tô Hiệu	2,80	LUC, NTS	nt			x
466	Khu dân cư lô 6b	Phường Chiềng An	3,57	LUC	nt			x
467	Khu dân cư lô số 1a, thành phố Sơn La	Phường Chiềng Cơi	2,96	LUC, HNK, CLN, ODT, SON	nt			x
468	Khu dân cư lô số 1b, thành phố Sơn La	Phường Chiềng Cơi	3,93	LUC, HNK, CLN, ODT, SON	nt			x
469	Khu dân cư lô số 1c, thành phố Sơn La	Phường Chiềng Cơi	3,36	LUC, HNK, CLN, ODT, SON	nt			x
470	Khu dân cư lô số 1d, thành phố Sơn La	Phường Chiềng Cơi	3,29	LUC, HNK, CLN, ODT, SON, NTS	nt			x



STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự án đã định giá	Dự án chưa định giá
471	Khu dân cư lô số 1e, thành phố Sơn La	Phường Chiềng Cơi	3,88	LUC, NTS CLN, ODT, SON	nt			x
472	Khu dân cư Lô số 1g, thành phố Sơn La	Phường Chiềng Cơi	2,78	TSC, LUC	nt			x
473	Khu tái định cư số 3, Bản Chậu, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Phường Chiềng Cơi	1,50	LUC	nt			x
474	Hạ tầng khu dân cư Lô số 6C, thành phố Sơn La	Phường Chiềng An	7,10	LUC, RPH, ODT, SON	nt			x
475	Khu dân cư mới phường Quyết Thắng	Phường Quyết Thắng	4,79	LUC, HNK	nt			x



Biểu 02

**DANH MỤC CÁC TỔ CHỨC CÓ CHỨC NĂNG TƯ VẤN GIÁ ĐẤT
DỰ KIẾN LỰA CHỌN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2018 TỈNH SƠN LA**

(Kèm theo Quyết định số 1826/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Ghi chú
1	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Sơn La	Số 79, đường Điện Biên, tổ 8, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	
2	Công ty CP giám định và thẩm định giá Thăng Long	Số 02, ngõ 40, phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	
3	Công ty Cổ phần thẩm định giá IVC Việt Nam	Phòng số 02, tầng 14, số 4A Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	

